TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2026
V/v "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hiệp;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2026/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2026 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1610/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1997 (vắng mặt, có Đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường A, tỉnh Gia Lai.

Căn cước công dân số: 052197015339

Bị đơn: Anh Cù Văn T, sinh năm: 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường A, tỉnh Gia Lai.

Căn cước công dân số: 052095008499

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Trước khi cưới, chị và anh Cù Văn T tìm hiểu nhau trong thời gian một năm. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là phường A, tỉnh Gia Lai).

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh T tại tổ dân phố B, phường A, tỉnh Gia Lai. Vợ chồng chung sống đến ngày 29/12/2024 âm lịch thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị phát hiện anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và anh T cũng thừa nhận. Từ đó chị và anh T thường xuyên kình cãi, chị và mẹ anh T có khuyên anh T nhưng anh T vẫn không từ bỏ. Đến ngày mùng 06 tháng 01 năm 2025 âm lịch chị về nhà cha mẹ chị tại tổ dân phố N, phường A, tỉnh Gia Lai ở cho đến nay. Từ khi không còn sống chung đến nay chị và anh T chưa gặp nhau lần nào, cũng không liên lạc điện thoại với nhau do anh T chặn số điện thoại của chị. Chị xác định không còn tình cảm với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng có 02 người con chung gồm: Cù Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 02/11/2019 và Cù Ngọc Diệu N, sinh ngày 23/6/2022. Hiện nay cháu N1 đang ở với chị, cháu N đang ở với anh T. Chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu N1, anh T nuôi dưỡng cháu N và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh Cù Văn T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Cù Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Cù Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 02/11/2019 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Cù Ngọc Diệu N, sinh ngày 23/6/2022. Cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu N1, anh T nuôi dưỡng cháu N và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầy nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" với anh Cù Văn T có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố B, phường A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt nhưng có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Cù Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[3] Chị H yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

[4] Anh T đã được tống đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 96, Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[5] Chị H và anh T đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 20/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là phường A, tỉnh Gia Lai). Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng anh T mặc dù biết chị H yêu cầu ly hôn nhưng có thái độ bỏ mặc, không tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Mặt khác, chị H đã có Đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, thể hiện ý chí cương quyết ly hôn và không chấp nhận hàn gắn tình cảm với anh T. Qua xác minh, mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh T dành tình cảm cho người phụ nữ khác. Hơn nữa, anh T và chị H đã tự chấm dứt cuộc sống chung. Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, sống chung với nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hội đồng xét xử xác định anh T không chung thủy, đồng thời vợ chồng đã không còn sống chung với

nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, chị H yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Chị H và anh T có hai người con chung gồm: Cù Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 02/11/2019 và Cù Ngọc Diệu N, sinh ngày 23/6/2022. Xét thấy, hiện nay các con chung chưa đủ độ tuổi tối thiểu để thể hiện ý chí của mình về việc lựa chọn người trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, hiện nay cháu N1 đang ở với chị H, cháu N đang ở với anh T nên để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con chung, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử giao cháu N1 cho chị H và giao cháu N cho anh T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[7] Chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 1 Điều 96, Điều 97, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Áp dụng khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Cù Văn T.

2. Giao cháu Cù Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2019, hiện nay đang ở với chị Nguyễn Thị Thu H cho chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Cù Ngọc Diệu N, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2022, hiện nay đang ở với anh Cù Văn T cho anh Cù Văn T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001476 ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2 – Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường An Nhơn (để biết);
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI

Võ Duy Minh